

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+RC6+CTC1	7:25	17+3+1	0+0+0		16+0+5	0+0+0	
2		TD1+BK3	7:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
3.		BK6+ TD1 +CLO	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
4		TD1+ BK6 +BK10+P9	7:25	4+9+9	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
5		RP2+P2	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
6		P10+BK5+RC6	9:25	17+5+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
7		TD1+PVD2+RP3	9:25	16+6+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
8		CLO+P7	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
9		P10+P11	11:25	17+4	0+0		18+4	0+0	
10		BK10+P9+CNV	11:25	5+17+0	0+0+0		4+16+2	0+0+0	
11		BK4+TD1+P9	11:25	7+11+4	0+0+0		5+1+16	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi về trong ngày: TD1- 3ng, BK4-4ng, BK10-3ng, RC6-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	TO: BK4 - RC6 - CTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN -	ETA: 09:10
XANH-1		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VAN LUONG	BK4				50	69	D-HANH	Vietnamese
2	VU MINH PHUONG	BK4	86	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN VAN THANH	BK4					70	KH-THAC	Vietnamese
4	BAEV	BK4					82	ANTOAN	Russian
5	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	88	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DANG DUC	BK4					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	BK4	84	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN SACH DON	BK4	89	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUY TAI	BK4	77	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH HAI	BK4	87	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUAN TAM	BK4	76	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOA	BK4	78-79	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN CHIEN	BK4	82-83	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HAO	BK4	73	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
15	DINH QUANG SON	BK4	80-81	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM XUAN MANH	BK4	85	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN LE	BK4	74-75	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	BONDARENKO	RC6	86	1	4	35	98	KH-THAC	Russian
19	POPOV	RC6	87	1	4		75	KH-THAC	Russian
20	SKOROBAGATKO	RC6	88	1	5		96	KH-THAC	Russian
21	THAI DOAN BINH	CTC1	55-56	2	20	56	78	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	17	17	141	1.167	50	16		
2	RC6	3	3	13	269	35	0		
3	CTC1	1	2	20	78	56	5		
TOTAL		21	22	174	1.514	141	20		
WEIGHT KG				174	1.514	141			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD1 - BK3	CREW: VThắng - Mạnh - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKOVENKO E	TD1					90	D-HANH	Russian
2	ROZGON A.	TD1	71	1	6	80	90	D-HANH	Russian
3	PEREKRESTOV P.	TD1	72	1	7		100	D-HANH	Russian
4	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN AN BÌNH	TD1	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	75-76	2	18		60	DVL	Vietnamese
7	OZEROV VITALII	TD1	74	1	2		88	DVL	Russian
8	NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG	TD1	75	1	3		65	DVL	Vietnamese
9	TÔ ĐÌNH TÚ	TD1	80	1	6		60	YTE	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN HIẾU	TD1	78	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
11	SOCHIVETS I.M	TD1	73	1	8		103	KHOAN	Russian
12	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	09	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUÝ	TD1	77	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN THĂNG	TD1					62	SHINTRAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUNG	TD1	70	1	5		65	SHINTRAC	Vietnamese
17	VŨ DUY KHUÔNG	BK3	86	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	85	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CÔNG THANH	BK3	89	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẠO QUANG THIẾT	BK3	87	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGỌC THĂNG	BK3	88	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SA	BK3	90	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	14	76	1.190	80	16		
2	BK3	6	6	40	430	40	6		
TOTAL		22	20	116	1.620	120	22		
WEIGHT KG				116	1.620	120			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK6 - CLO	CREW: Hạnh - VLinH - MQUÂN	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU CAN	BK6	28	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DUC SANG	BK6	27	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HAI DANG	BK6	26	1	15		85	D VATLY	Vietnamese
4	PHAM HONG QUY	BK6	25	1	4		66	D VATLY	Vietnamese
5	VOROBIEV S.L	CLO	300	1	5		96	KHOAN	Russian
6	ĐINH XUAN PHU*TT	CLO	98	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN MINH TUAN	CLO	84	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	99	1	4	30	77	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN TRUNG	CLO	86	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	VU MINH TU	CLO	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	CLO	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DỤC-PVD	CLO	81	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	90	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN QUANG HIEN	CLO	94	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	92	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	96	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
17	LUƠNG TÂN HAI-PVD	CLO	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	91	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
19	VU MẠNH HUNG	CLO	97	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẠU TRỌNG HOÀNG-PVDT	CLO	93	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG TIEN	CLO	89	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
22	BUI XUAN DUY	CLO	88	1	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	4	43	295	0	0		
2	CLO	18	18	89	1.312	30	22		
TOTAL		22	22	132	1.607	30	22		
WEIGHT KG				132	1.607	30			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: TTC1 - BK10 - P9	CREW: Văn - MTHAO - Vũ	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN XUAN CUONG	TTC1	79	1	12		70	CO DIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DANG MANH	TTC1	78	1	12	30	52	CO DIEN	Vietnamese
3	NGUYEN HOAI NAM	TTC1	80	1	10	22	74	CO DIEN	Vietnamese
4	DO TRUONG DIEN	TTC1	76-77	2	12		73	CO DIEN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THO	BK10	65	1	3		90	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN BA THU	BK10					50	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH HUU THANG	BK10	60	1	5		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN CONG TAN	BK10	63	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
9	VU XUAN THUY	BK10	64	1	10	50	67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TRONG LINH	BK10	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HOANG GIANG	BK10	59	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO TUAN HUNG	BK10	61	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN TOAN	BK10	58	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
14	VASYANKIN ALEXEY	P9	02	1	18		108	KH-THAC	Russian
15	IAKIMIDI RUSLAN	P9	01	1	10		95	KH-THAC	Russian
16	PHAM DUC BINH	P9	09	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH SONG HAI	P9	03-04	2	17	12	57	YTE	Vietnamese
18	PHAM CONG TUAN	P9	06	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	TRAN QUANG PHUOC	P9	07	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN THANH HAI	P9	08	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MINH THUY	P9	05	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BA KY	P9					76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

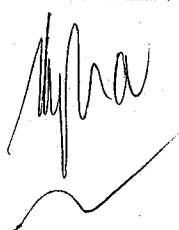
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	5	46	269	52	3		
2	BK10	9	8	56	628	50	4		
3	P9	9	9	75	706	12	15		
TOTAL		22	22	177	1.603	114	22		
WEIGHT KG				177	1.603	114			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

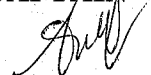
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: RP2 - P2	CREW: HUNG - KHOAN - QTruong	ETA: 11:10
XANH-2			

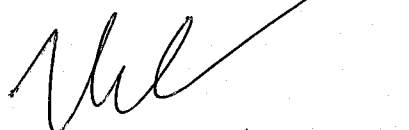
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG THE HIEN	RP2	200	1	5		65	NIPI	Vietnamese
2	QUAN DUC THANG	RP2	42	1	7	20	65	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN PHI DAN	P2	74	1	10		60	YTE	Vietnamese
5	DUONG CHI TUYEN	P2	88	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO VAN DUC	P2	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN THO	P2	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	VU THANH LONG	P2	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THUAN	P2	80	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TAN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE ANH	P2	87	1	5	25	67	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CONG LUU	P2	84-85	2	15	110	65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUY TOAN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU PHI	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY NGOC	P2	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN KHAC CAN	P2	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG TRONG THAO	P2	86	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN SON TIEN	P2	500	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN THAP	P2	89-91	3	12		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VO ANH NGOC	P2	92-93	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
22	HA VAN TRUNG	P2	81	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	2	12	130	20	0		
2	P2	20	19	120	1.358	135	22		
TOTAL		22	21	132	1.488	155	22		
WEIGHT KG				132	1.488	155			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

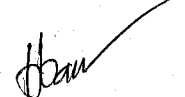
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: P10 - BK5 - RC6	CREW: VThắng - Mạnh - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SON	P10	99,700	2	20		70	YTE	Vietnamese
2	LÊ HOANG THI	P10	92	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	P10	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ ANH QUỐC	P10					73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	91	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ QUANG HÙNG	P10	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUYNH VŨ	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BAO LAM	P10	88	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	P10	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM DUY QUANG	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC BA	P10	90	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	98	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGOC NGUYỄN	P10	89	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGOC THANH	P10	93	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHÍ HIỆU	P10	85-87	3	20		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	84	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHANH	BK5	80	1	8	35	67	PSV	Vietnamese
18	IUKHIMCHUK	BK5	79	1	9		85	KH-THAC	Russian
19	VŨ NGOC TỬ	BK5	78	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN GIA CUONG	BK5	68	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TRUNG	BK5	91	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VO THANH TIEN	RC6	85	1	5		86	COKHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	16	16	97	1.137	0	15		
2	BK5	5	5	47	358	35	4		
3	RC6	1	1	5	86	0	3		
TOTAL		22	22	149	1.581	35	22		
WEIGHT KG				149	1.581	35			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: TD1 - PVD2 - RP3	CREW: Hạnh - VLinH - MQUÂN	ETA: 11:20
TRANG-2			

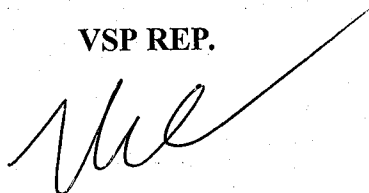
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI XUÂN TÙNG	TD1	82	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH CAO TRỌNG	TD1	80	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
3	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	77	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	90	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM QUANG ANH	TD1					82	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGỌC SƠN	TD1	83	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	85	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN HẬU	TD1	86	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN PHONG	TD1	88	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN NGUYEN	TD1	84	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VIET HUNG	TD1	87	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	STESHIN V.B	TD1	91	1	12		158	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	81	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	79	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HẢI	TD1	78	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN QUÝ	TD1	89	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN HAI	PVD2	54	1	5		57	PVDO	Vietnamese
18	TRƯƠNG KIM ĐỊNH	PVD2	82	1	6	40	50	PVD TRAI	Vietnamese
19	ĐẶNG MINH TU	PVD2	83	1	5		80	PVD TRAI	Vietnamese
20	DO XUAN CHI	PVD2	31	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG PHUC ANH	PVD2	80	1	10		59	PSV	Vietnamese
22	LE VAN NGHIA	PVD2	79	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

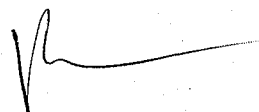
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	15	80	1,207	0	13		
2	PVD2	6	6	36	362	40	5		
3	RP3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	116	1,569	40	19		
WEIGHT KG				116	1,569	40			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: CLO - P7	CREW: Vận - MTHAO - Vũ	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÙNG-PVD	CLO	35	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
2	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	28	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ THẾ HÙNG	CLO	29	1	11		35	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TIẾN	CLO	32	1	7	17	85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THUẬN	CLO	30-31	2	18		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY NAM	CLO	26	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	25	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG ĐẠI NGHĨA-PVD	CLO	38	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHÙNG BA TUẤT	CLO	27	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ TRƯỞNG GIANG	CLO	24	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
11	NG VĂN LỰC*CAM-PVDT	CLO	36	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN BUI QUANG	CLO	34	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	47	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	CLO	42	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	CLO	45	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LƯU	CLO	46	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH CÔNG	CLO					63	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	41	1	11		57	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN THIẾU BÌNH	CLO	43-44	2	12		62	DVL	Vietnamese
20	ĐÌNH VIỆT DŨNG	CLO	37	1	6		55	DVL	Vietnamese
21	LÊ XUÂN QUY	CLO	39	1	5		75	YTE	Vietnamese
22	HOANG VAN PHUONG	CLO	33	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	150	1.470	17	20		
2	P7	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	150	1.470	17	21		
WEIGHT KG				150	1.470	17			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: P10 - P11	CREW: VThắng - XTrường - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HIU LIEM	P10	91	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH CUONG	P10	96	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TOAN	P10	92	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG VAN MINH	P10	93	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	P10	95	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
6	VU PHUONG HUONG	P10	900	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN LOI	P10	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC XUAN	P10	600	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI VAN TUAN	P10	98	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TRUNG HIEP	P10	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TUAN MINH	P10	86	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN MINH BACH	P10	25	1	6		60	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN QUAN	P10	800	1	4		66	PSV	Vietnamese
14	BUI VAN NGUYEN	P10	99	1	4		72	PSV	Vietnamese
15	DO DAI DUONG	P10	899	1	4		56	PSV	Vietnamese
16	VO VAN TUAN TU	P10	97	1	5		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THE HANH	P10	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG TUNG	P10	94	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
19	LE VIET DUNG	P11	85	1	5	20	66	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG XUAN THAI	P11					68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TAI	P11	88	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LINH	P11	86	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	18	96	1,201	0	18		
2	P11	4	3	18	264	20	4		
TOTAL		22	21	114	1,465	20	22		
WEIGHT KG				114	1,465	20			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: BK10 - P9 - CNV	CREW: Hạnh - NPhú - DTùng	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐẠT	BK10	89	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH TÂM	BK10	87-88	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG THANH SƠN	BK10	84	1	13	20	68	XAYLAP	Vietnamese
4	VUONG MAI	BK10	85-86	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	83	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	VÕ VĂN THOẠI	P9	52	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO AN CHUNG	P9	51	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO THIÊN THUẬT	P9	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THUY	P9	54	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÀ	P9	55	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DŨNG	P9	58	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN BĂNG	P9	50	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	60	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ SỸ BÌNH	P9	56	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC THANH	P9	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HAI	P9	59	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN TÙNG	P9	63	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	CAI TRẦN HOAI VU	P9	64	1	3		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	7	51	326	20	5		
2	P9	17	15	65	1.188	0	15		
3	CNV	0	0	0	0	60	2		
TOTAL		22	22	116	1.514	80	22		
WEIGHT KG				116	1.514	80			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	TO: BK4 - TD1 - P9	CREW: QViệt - Linh - Vũ	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH TRONG KIEN	BK4	61-62	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese
2	VU TRONG HOE	BK4	63-64	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
3	KIEU HAI DUONG	BK4	58	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUAN	BK4	93-94	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH DO	BK4	59	1	10	13	77	XAYLAP	Vietnamese
6	HA DUC TUNG	BK4	65	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LE NGOC LUAN	TD1	09	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH HUY TOAN	TD1	10	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIANG	TD1	11	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN TRUONG-PVDT	TD1	04	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN MANH	TD1	12	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
12	NUYEN HUU TRUNG	TD1	01	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
13	MAI HAI LONG	TD1	06	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
14	LE XUAN TUNG	TD1	03	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BA HUNG	TD1	02	1	9		80	DVL	Vietnamese
16	DUONG TRUNG KIEN	TD1	05	1	10		60	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN DUY MINH	TD1	07-08	2	15		100	SCHLUMB	Vietnamese
18	LE VAN VIET	P9	11	1	5		80	PSV	Vietnamese
19	LE THANH CHAU	P9	13	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	P9	12	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

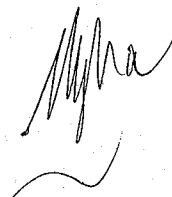
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	9	78	426	13	5		
2	TD1	11	12	98	787	0	6		
3	P9	3	3	16	220	0	9		
TOTAL		20	24	192	1.433	13	20		
WEIGHT KG				192	1.433	13			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

